

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

a. Phần Lịch sử

1. Việt Nam dưới thời Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX
2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ 1858-1884

b. Phần Địa lý

1. Bài 11 Phạm vi Biển Đông. Vùng biển đảo và đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam
2. Bài 12 Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam
3. Chủ đề chung 1 Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long

B. CÂU HỎI LUYỆN TẬP

I. Phần trắc nghiệm

PHẦN ĐỊA LÍ

Bài 11 Phạm vi Biển Đông. Vùng biển đảo và đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam

Câu 1: Vùng biển Việt Nam là một phần của?

- A. Biển Xu-lu B. Biển Xu-la-vê-di. C. Bắc băng Dương. D. Biển Đông

Câu 2: Bờ biển Việt Nam dài ?

- A. 3.220 km B. 3.360km. C. 3.620km. D. 3.260km

Câu 3: Biển Việt Nam gồm?

- A. Vùng nội thủy, lãnh hải C. Thềm lục địa
B. Vùng đặc quyền kinh tế . D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 4: Đâu không phải đặc điểm của biển Đông?

- A. Biển Đông là một biển nửa kín C. Biển lớn thứ 3 thế giới
B. Nằm ở rìa Tây Thái Bình Dương. D. Lớn thứ 1 ở Thái Bình Dương

Câu 5: Biển Đông có diện tích khoảng??

- A 3,43 triệu km² B. 3,45 triệu km² C. 3,54 triệu km². D. 3,44 triệu km²

Câu 6: Biển Đông có vịnh lớn nào dưới đây?

- A. Vịnh Thái Lan C. Cả hai đáp án trên đều đúng
B. Vịnh Bắc Bộ. D. Đáp án khác

Câu 7: Nước nào dưới đây chung Biển Đông với Việt Nam?

- A. Trung Quốc. C. In-đô-nê-xi-a
B. Phi-lip-pin. D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 8: Nước nào dưới đây không chung Biển Đông với Việt Nam?

- A. Cam-pu-chia B. Ma-lay-xia. C. Hàn Quốc. D. Thái Lan

Câu 9: Có bao nhiêu mốc để xác định đường cơ sở chiều rộng của lãnh hải của lục địa nước ta,?

- A. 10 mốc B. 11 mốc C. 13 mốc D. 12 mốc

Câu 10: Mốc 0 - để xác định đường cơ sở nằm ở đâu?

- A. Ranh giới phía Tây Nam của vùng nước lịch sử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Campuchia
B. Hòn Nhạn, quần đảo Thổ Chu, tỉnh Kiên Giang
C. Hòn Đá Lẻ ở Đông Nam Hòn Khoai, tỉnh Cà Mau
D. Đảo Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị

Câu 11: Có bao nhiêu điểm đường phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa Việt Nam và Trung Quốc trong vịnh Bắc Bộ.?

- A. 20 điểm đường B. 23 điểm đường C. 22 điểm đường D. 21 điểm đường

Câu 12: Nội thủy là?

- A. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển
- B. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.
- C. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.
- D. Vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam

Câu 13: Lãnh hải là?

- A. Đáy biển và lòng đất dưới đáy biển
- B. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.
- C. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.
- D. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.

Câu 14: Vùng tiếp giáp lãnh hải là?

- A. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển
- B. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.
- C. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.
- D. Vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam

Câu 15: Vùng đặc quyền kinh tế là?

- A. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển
- B. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.
- C. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.
- D. Vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam

Câu 16: Thềm lục địa Việt Nam là?

- A. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển
- B. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.
- C. Đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa.
- D. Vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam

Câu 17: Vùng biển đảo nước ta mang tính chất?

- A. Xích đạo ẩm
- B. Bán hoang mạc
- C. Nhiệt đới gió mùa
- D. Đáp án khác

Câu 18: Nhiệt độ bề mặt nước biển trung bình năm là?

- A. Dưới 23°C
- B. Trên 23°C
- C. Trên 24°C
- D. Dưới 25°C

Câu 19: Vùng biển nước ta là nơi ?

- A. Có khí hậu mát mẻ
- B. Ít khi xảy ra thiên tai
- C. Chịu nhiều thiên tai: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc,...
- D. Đáp án khác

Câu 20: Trung bình mỗi năm có bao nhiêu cơn bão trực tiếp đổ bộ vào vùng biển Việt Nam?

- A. 4 - 6 cơn bão
- B. 3 - 5 cơn bão
- C. 4 - 5 cơn bão
- D. 3 - 4 cơn bão

Câu 21: Độ muối trung bình của vùng biển nước ta là?

- A. 33‰ - 34‰
- B. 31‰ - 32‰
- C. 30‰ - 31‰
- D. 32‰ - 33‰

Bài 12 Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam

Câu 1: Nhận xét nào sau đây không thể hiện rõ sự giảm sút của nguồn lợi thủy hải sản nước ta?

- A. Sản lượng thủy sản khai thác tăng chậm hơn nuôi trồng.
- B. Một số loài hải sản có nguy cơ tuyệt chủng.
- C. Nhiều loài hải sản đang giảm sút về mức độ tập trung.
- D. Các loài cá quý đánh bắt được có kích thước ngày càng nhỏ.

Câu 2: Nguyên nhân chủ yếu làm ô nhiễm môi trường biển – đảo của nước ta hiện nay là do

- A. Khai thác quá mức nguồn lợi thủy sản.
- B. Hoạt động công nghiệp, sinh hoạt của con người.
- C. Khai thác dầu khí ở thềm lục địa.
- D. Hoạt động du lịch.

Câu 3: Điều nào không phải là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành vận tải đường biển của nước ta?

- A. Nằm gần nhiều tuyến đường biển quốc tế quan trọng.
- B. Ven biển có nhiều vũng vịnh rộng, kín gió.
- C. Có nhiều đảo, quần đảo ven bờ.
- D. Có nhiều bãi triều, đầm phá ven biển

Câu 4: Phần lớn các đảo ven bờ đều có điều kiện thích hợp để phát triển ngành kinh tế nào sau đây?

- A. Du lịch, ngư nghiệp.
- B. Khai thác khoáng sản biển, ngư nghiệp.
- C. Vận tải biển, khai thác khoáng sản biển.
- D. Nông – lâm nghiệp.

Câu 5: Ô nhiễm môi trường biển - đảo xảy ra nghiêm trọng nhất ở

- A. Các khu du lịch biển.
- B. Các thành phố cảng, nơi khai thác dầu.
- C. Đảo ven bờ.
- D. Các cửa sông.

Câu 6: Tài nguyên dầu khí phân bố chủ yếu ở vùng thềm lục địa phía nam của khu vực

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 7: Tài nguyên và môi trường vùng biển Việt Nam hiện nay:

- A. Các hoạt động khai thác dầu khí không ảnh hưởng đến môi trường vùng biển
- B. Môi trường vùng biển Việt Nam rất trong lành
- C. Các hoạt động du lịch biển không gây ô nhiễm môi trường vùng biển
- D. Một số vùng biển ven bờ đã bị ô nhiễm

Câu 8: Khoáng sản ở vùng biên Việt Nam

- A. Than đá B. Sắt C. Thiếc D. Dầu khí

Câu 9: Chế độ nhiệt trên biển Đông

- A. Mùa hạ mát, mùa đông ấm hơn đất liền, biên độ nhiệt nhỏ.
B. Mùa hạ nóng, mùa đông lạnh hơn đất liền, biên độ nhiệt nhỏ.
C. Mùa hạ nóng, mùa đông lạnh hơn đất liền, biên độ nhiệt lớn.
D. Mùa hạ mát, mùa đông ấm hơn đất liền, biên độ nhiệt lớn.

Câu 10: Thành phần tự nhiên nào ở nước ta chịu ảnh hưởng nhiều nhất, sâu sắc nhất của Biển Đông?

- A. Sinh vật B. Địa hình C. Khí hậu D. Cảnh quan ven biển

Câu 11: Tài nguyên thiên nhiên vùng biển có ý nghĩa lớn nhất đối với đời sống của cư dân ven biển là:

- A. Tài nguyên du lịch biển. C. Tài nguyên hải sản.
B. Tài nguyên khoáng sản. D. Tài nguyên điện gió.

Câu 12: Chế độ thủy triều của vịnh Bắc Bộ thuộc loại:

- A. Nhật triều không đều C. Nhật triều đều
B. Bán nhật triều đều D. Bán nhật không đều triều đều

Câu 13: Biểu hiện rõ nhất thể hiện tính nhiệt đới của Biển Đông là:

- A. Thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế.
B. Nhiệt độ nước biển đạt tiêu chuẩn nhiệt đới.
C. Có các dòng hải lưu nóng hoạt động suốt năm.
D. Có các luồng gió theo hướng đông nam thổi vào nước ta gây mưa

Câu 14: Vịnh biển đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới là:

- A. Vịnh Hạ Long C. Vịnh Văn Phong
B. Vịnh Nha Trang D. Vịnh Cam Ranh

Câu 15: Khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị nhất của vùng biển nước ta là:

- A. Muối B. Sa khoáng C. Cát D. Dầu khí

Câu 16: Trong quá trình sử dụng tài nguyên nước cần?

- A. Sử dụng bừa bãi
B. Chú ý đến vấn đề bảo vệ chất lượng nguồn nước.
C. Ngăn chặn các hành vi bảo vệ nguồn nước
D. Tất cả đều sai.

Câu 17: Chất lượng môi trường nước biển có xu hướng?

- A. Tăng mạnh B. Giảm mạnh C. Giảm D. Tăng

Câu 18: Vùng biển Việt Nam có bao nhiêu loài cá có giá trị kinh tế cao?

- A. 2000 loài B. 2100 loài C. 200 loài D. 110 loài

Chủ đề chung 1 Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long

Câu 1: Cùng với thời gian, châu thổ sông Hồng ngày càng?

- A. Nhiều tài nguyên hơn C. Tiến ra biển
B. Bị thu hẹp D. Đáp án khác

Câu 2: Châu thổ sông Hồng được hình thành từ?

- A. Quá trình bồi đắp phù sa của hệ thống sông Hồng
B. Tác động của thủy triều và sóng biển
C. Quá trình bồi đắp phù sa của hệ thống sông Hồng, kết hợp với tác động của thủy triều và sóng biển

D. Đáp án khác

Câu 3: Hệ thống sông Hồng có tổng lượng dòng chảy khoảng?

- A. 102 tỉ m³/năm B. 120 tỉ m³/năm C. 100 tỉ m³/năm D. 112 tỉ m³/năm

Câu 4: Hệ thống sông Hồng có lượng phù sa hết sức phong phú khoảng?

- A. 100 triệu tấn/năm C. 110 triệu tấn/năm.
B. 102 triệu tấn/năm. D. 120 triệu tấn/năm

Câu 5: Hệ thống sông Hồng là?

- A. Hệ thống sông lớn nhất Việt Nam
B. Hệ thống nhiều tài nguyên nhất Việt Nam
C. Một trong hai hệ thống sông lớn nhất ở Việt Nam
D. Đáp án khác

Câu 6: Chế độ nước sông Hồng có mùa nào dưới đây?

- A. Mùa mưa và mùa khô C. Mùa lũ và mùa cạn
B. Mùa mưa và mùa khô D. Đáp án khác

Câu 7: Mùa lũ của hệ thống sông Hồng kéo dài trong?

- A. 4 tháng B. 3 tháng C. 2 tháng D. 5 tháng

Câu 8: Mùa lũ của hệ thống sông Hồng kéo dài từ?

- A. Tháng 6 đến tháng 10 C. Tháng 6 đến tháng 9
B. Tháng 5 đến tháng 9 D. Đáp án khác

Câu 9: Mùa cạn của hệ thống sông Hồng kéo dài trong bao nhiêu tháng?

- A. 5 tháng B. 6 tháng C. 7 tháng D. 8 tháng

Câu 10: Mùa cạn của của hệ thống sông Hồng kéo dài từ?

- A. Tháng 10 đến tháng 5 năm sau C. Tháng 12 đến tháng 5 năm sau
B. Tháng 11 đến tháng 6 năm sau D. Tháng 11 đến tháng 5 năm sau

Câu 11: Mùa lũ của hệ thống sông Hồng chiếm bao nhiêu phần trăm lưu lượng dòng chảy cả năm?

- A. 25% B. 30% C. 70% D. 75%

Câu 12: Phần sông Mê Công chảy trên lãnh thổ Việt Nam gọi là ?

- A. Sông Hồng C. Sông Cửu Long
B. Sông Đồng Nai D. Đáp án khác

Câu 13: Sông Cửu Long dài ?

- A. 460 km B. 320 km C. Hơn 230 km D. Đáp án khác

Câu 14: Tổng lượng dòng chảy của hệ thống sông Cửu Long đạt?

- A. 507 triệu m³/năm C. 500 triệu m³/năm
B. 507 tỉ m³/năm D. 570 tỉ m³/năm

Câu 15: Tổng lượng dòng chảy của hệ thống sông Cửu Long chiếm bao nhiêu tổng lượng nước của sông ngòi ở Việt Nam?

- A. 64% B. 60% C. 6,4% D. 60,4%

Câu 16: Khi mùa lũ đến, nước sông Cửu Long dâng tràn ngập một vùng rộng khoảng?

- A. 20 000 km² B. 1 000 km² C. 10 000 km² D. Đáp án khác

Câu 17: Trước đây, hằng năm châu thổ sông Cửu Long tiến ra biển ở khu vực?

- A. Bán đảo Trà Vinh C. Bán đảo Cần Thơ
B. Bán đảo Cà Mau D. Đáp án khác

Câu 18: Vùng đồng bằng sông Cửu Long đã sớm được khai khẩn và trở thành trung tâm nông nghiệp lúa nước thời?

- A. Vương quốc Champa C. Vương quốc Phù Nam
B. Triều Nguyễn D. Đáp án khác

Câu 19: Chợ nổi, nhà nổi,... thể hiện?

- A. Sự độc đáo của người dân nơi đây

- B. Sự sáng tạo của con người Việt Nam
- C. Cách thích ứng với môi trường sông nước của cư dân đồng bằng sông Cửu Long
- D. Đáp án khác

PHẦN LỊCH SỬ

Câu 1. Nhiệm vụ sưu tầm, lưu trữ sách cổ và biên soạn các bộ sử chính thống dưới triều Nguyễn thuộc về cơ quan nào?

- A. Quốc sử quán.
- B. Đô Sát Viện.
- C. Quốc tử giám.
- D. Tông nhân phủ.

Câu 2. Vị vua nào của nhà Nguyễn đã cho khắc những vùng biển, cửa biển quan trọng của Việt Nam lên Cửu Đỉnh?

- A. Gia Long.
- B. Minh Mệnh.
- C. Thành Thái.
- D. Duy Tân.

Câu 3. Trong xã hội nước ta cuối TK XIX đầu TK XX mâu thuẫn nào là cơ bản nhất?

- A. Giữa nông dân với địa chủ.
- B. Giữa triều đình nhà Nguyễn với thực dân Pháp.
- C. Giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp.
- D. Giữa nhân dân với triều đình nhà Nguyễn

Câu 4. Vị vua nào hạ “Chiếu cần vương” kêu gọi văn thân sĩ phu và nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước là?

- A. Duy Tân
- B. Gia Long
- C. Hàm Nghi
- D. Tự Đức

Câu 5. Năm 1802, được sự ủng hộ của địa chủ ở Gia Định, Nguyễn Ánh đã

- A. đánh bại hơn 5 vạn quân Xiêm xâm lược.
- B. đánh bại 29 vạn quân Mãn Thanh xâm lược.
- C. đánh bại chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.
- D. đánh bại triều Tây Sơn, lập ra nhà Nguyễn.

Câu 6. Làng nghề thủ công nghiệp nào được đề cập đến trong câu ca dao dưới đây?

*“Hồi cô thất lạng bao xanh
Có về làng Mái với anh thì về
Làng Mái có lịch có lễ
Có sông tắm mát có nghề làm tranh”*

- A. Làng Đông Hồ (Bắc Ninh).
- B. Làng Chu Đậu (Hải Dương).
- C. Làng Bát Tràng (Hà Nội).
- D. Làng Sình (Thừa Thiên Huế).

Câu 7. Người được nhân dân suy tôn làm Bình Tây Đại nguyên soái là ai?

- A. Hoàng Hoa Thám
- B. Nguyễn Trung Trực
- C. Trương Định
- D. Nguyễn Đình Chiểu

Câu 8. Trước hành động ngày một quyết liệt của Tôn Thất Thuyết thực dân Pháp đã làm gì?

- A. Mua chuộc Tôn Thất Thuyết
- B. Tìm mọi cách để tiêu diệt phái chủ chiến.
- C. Giảng hòa với phái chủ chiến.
- D. Tìm cách ly gián giữa Tôn Thất Thuyết và quan lại.

Câu 9. Phong trào yêu nước chống xâm lược đã dâng lên sôi nổi, kéo dài từ năm 1885 đến cuối thế kỉ XIX được gọi là phong trào gì?

- A. Phong trào nông dân
- B. Phong trào nông dân Yên Thế.
- C. Phong trào Cần vương.
- D. Phong trào Duy Tân.

Câu 10. Ngày 1/9/ 1858 Pháp mở đầu xâm lược nước ta theo kế hoạch ?

- A. Đánh nhanh, thắng nhanh
- B. Đánh ăn chắc, đánh chắc thắng
- C. Chủ động, cơ động, linh hoạt
- D. Vừa đánh, vừa đàm

Câu 11. Sự kiện đánh dấu chấm dứt sự tồn tại của triều đình phong kiến nhà Nguyễn với tư cách là một quốc gia độc lập?

- A. Quân Pháp tiến đánh cửa biển Thuận An cửa ngõ kinh thành Huế.
- B. Vua Tự Đức qua đời triều đình rối loạn.
- C. Triều đình kí hiệp ước Hác- măng và Hiệp ước Pa-tơ-nôt.

D. Pháp chiếm được thành Hà Nội.

Câu 12. Đại diện cho phái chủ chiến sau hai hiệp ước 1883 và 1884 là?

A. Hoàng Diệu

C. Tôn Thất Thuyết

B. Phan Thanh Giản

D. Nguyễn Trường Tộ

Câu 13. Người tiêu biểu đã dùng thơ văn của mình làm vũ khí đánh giặc?

A. Nguyễn Thiện Thuật.

C. Hoàng Diệu

B. Phan Đình Phùng.

D. Nguyễn Đình Chiểu

Câu 14. Hiệp ước nào chấm dứt sự tồn tại của triều đại phong kiến nhà Nguyễn với tư cách là một quốc gia độc lập?

A. Nhâm Tuất

C. Pa-tơ-nốt

B. Giáp Tuất

D. Hác-măng

Câu 15. Ngày 1/9/ 1858 Pháp mở đầu xâm lược nước tại đâu?

A. Hà Nội

B. Gia Định

C. Sơn Trà

D. Hội An

Câu 16. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt (11/1888) phong trào Cần vương?

A. chấm dứt

B. vẫn tiếp tục hoạt động cầm chừng

C. chỉ diễn ra ở Trung Kỳ

D. vẫn được duy trì và dần quy tụ thành những cuộc khởi nghĩa lớn.

Câu 17. Hiệp ước nào là hiệp ước đầu tiên mà triều đình nhà Nguyễn kí với Pháp?

A. Nhâm Tuất

B. Giáp Tuất

C. Pa-tơ-nốt

D. Hác-măng

Câu 18. Cuộc khởi nghĩa nào tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương ?

A. Khởi nghĩa Ba Đình

B. Khởi nghĩa Bãi Sậy

C. Khởi nghĩa Hương Khê

D. Khởi nghĩa Yên Thế

Câu 19. Người chỉ huy cuộc phản công quân Pháp tại kinh thành Huế là?

A. vua Hàm Nghi

B. Tôn Thất Thuyết

C. Nguyễn Thiện Thuật

D. Phan Đình Phùng

Câu 20. Truyện Kiều là một trong những tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ nào?

A. Nguyễn Đình Chiểu.

B. Hồ Xuân Hương.

C. Nguyễn Du.

D. Bà huyện Thanh Quan.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Nhà Nguyễn thực thi chủ quyền với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa như thế nào?

Câu 2: Trình bày vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam.

Câu 3: Vùng biển và thềm lục địa Việt Nam có thuận lợi để phát triển những tài nguyên gì? Em hãy kể tên và nêu đặc điểm của các tài nguyên đó.

Câu 4: Theo em, chúng ta cần phải làm gì để khai thác lâu bền và bảo vệ tốt môi trường biển của nước ta?

Câu 5: Trình bày các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật Biển Việt Nam năm 2012. Nêu các khái niệm liên quan đến các vùng biển của Việt Nam.

Câu 6: Nêu khái quát về phạm vi Biển Đông và các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông.

BGH xác nhận

TTCM

GVBH

Tạ Thúy Hà

Nguyễn Thị Kim Thanh

**Lê Thị Ánh Tuyết
Nguyễn Thị Thuần**